

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-01-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1006/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hồng N - sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 66, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Thành phố H.

Nơi ở hiện nay: Phòng A608 Chung cư 15 tầng, N, Phường 7, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc T – sinh năm 1995;

Hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: 5/14 T, Phường 1, thành phố V, tỉnh B. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-11-2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15-12-2022, nguyên đơn – chị Phạm Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng N và anh Trần Ngọc T sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vũng Tàu vào ngày 18-12-2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau này, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đến nay vợ chồng vẫn không có con chung nên không thể gắn kết được tình cảm gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12-2021 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Hồng N có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 13-12-2023, bị đơn – anh Trần Ngọc T trình bày:

Anh T xác nhận về quá trình, điều kiện kết hôn như trình bày của chị N là đúng. Quá trình chung sống, anh T đau ốm thường xuyên nên không thể chăm sóc, lo lắng cho vợ. Sau khi kết hôn, giữa vợ chồng không có con chung nên không thể gắn kết.

Nay anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do sức khỏe không tốt, không thể có mặt theo giấy mời của Tòa án nên anh T xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, phiên họp và phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Hồng N khởi kiện anh Trần Ngọc T về việc “ly hôn”; bị đơn – anh Tú có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa thì thấy: chị N, anh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ; đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm, được quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Hồng N và anh Trần Ngọc T kết hôn từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 18-12-2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 58 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của hai vợ chồng: Sau khi kết hôn thì đến tháng 12 năm 2021, vợ chồng cũng đã sống ly thân cho đến nay, mỗi người một nơi, không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy: chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng, anh T chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N và xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên khả năng hàn gắn tình cảm giữa chị N và anh T là không thể thực hiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có cơ sở, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Hồng N đối với anh Trần Ngọc T.

[2.2] Về con chung: chị N và anh T xác nhận không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hồng N;

[1] Về hôn nhân: Cho chị Phạm Hồng N ly hôn với anh Trần Ngọc T.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Phạm Hồng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003482 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Chị N đã nộp xong.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- UBND Phường 1, thành phố V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Lợi